

Số: *700* /QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày *04* tháng *9* năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm  
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

### CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm và Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chỉ định Trung tâm kiểm nghiệm Thanh Hóa, địa chỉ: 575 Quang Trung 2, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **44/2018/BYT-KNTP**

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trung tâm Trung tâm kiểm nghiệm Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Thanh Long (để b/c);
- CT. Nguyễn Thanh Phong (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG  
  
*Lê Văn Giang*

**DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 700 /QĐ-ATTP ngày 04 tháng 9 năm 2018  
của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/định lượng /phạm vi đo (nếu có)
<b>I. Lĩnh vực vi sinh</b>				
1	Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí	Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	TCVN 4884-1:2015	LOD: 10 CFU/g 1 CFU/ml
2	Phát hiện và định lượng Coliform. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 6848:2007	LOD: 10 CFU/g 1 CFU/ml
3	Phát hiện và định lượng Coliform. Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất - MPN		TCVN 4882:2007	LOD: 3 MPN/g 0,3 MPN/ml
4	Phát hiện và định lượng <i>E.Coli</i> giả định. Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất - MPN		TCVN 6846:2007	LOD: 3 MPN/g 0,3 MPN/ml
5	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase		TCVN 4830-1:2005	LOD: 10 CFU/g 1 CFU/ml
6	Định lượng nấm mốc, nấm men	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	TCVN 8275-1,2:2010	LOD: 10 CFU/g 1 CFU/ml
7	Xác định và định lượng <i>E.Coli</i> . Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 7924-2:2008	LOD: 10 CFU/g 1 CFU/ml
<b>II. Lĩnh vực hóa lý</b>				
8	Xác định hàm lượng Chì bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	TCVN 8126:2009	LOD: 0,13 µg/g LOQ: 0,44 µg/g

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/định lượng /phạm vi đo (nếu có)
9	Xác định hàm lượng Cadimi bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	TCVN 8126:2009	LOD: 2,6 ng/g LOQ: 8,6 ng/g
10	Xác định hàm lượng Glucosamine bằng phương pháp HPLC	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (dạng rắn)	TTKN/SOP/KNT/19.73	LOD: 14,3 mg/g LOQ: 47,75 mg/g
11	Xác định hàm lượng Curcumine bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến UV-VIS		TTKN/SOP/KNT/19.74	LOD: 0,36 mg/g LOQ: 1,1 mg/g